

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA VÌ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **290** /2022/HNGĐ-ST

Ngày 30 tháng 6 năm 2022

"V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Phương Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đại Huy

Bà Phùng Thị Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quyển – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 331/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2022/QĐXX - ST ngày 25 tháng 5 năm 2022 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2022/QĐHPT ngày 10/6/2022, Thông báo thay đổi lịch phiên tòa số 04 ngày 10/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phùng Thị H, sinh năm 1993 (*Có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn VL 1, xã VL, huyện BV, Hà Nội

- Bị đơn: Anh Đặng Hồng Q, sinh năm 1988 (*Vắng mặt*)

Địa chỉ: Thôn BN, xã CT, huyện BV, TP. Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Phùng Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị H và anh Đặng Hồng Q kết hôn vào ngày 24/02/2016, đăng ký tại UBND xã VL, huyện BV, thành phố Hà Nội. Việc

kết hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau ngay tại gia đình nhà anh Q tại xã CT, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Q chơi bời, nợ nần nhiều, không tu chí làm ăn, không quan tâm vợ con. Chị H, anh Q sống ly thân và cắt đứt mọi quan hệ tình cảm vợ chồng từ năm 2018 đến nay. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng với anh Q không còn, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, mâu thuẫn không thể hàn gắn, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung là Đặng Bảo T, sinh ngày 12/12/2016. Hiện cháu T đang ở với chị H. Khi ly hôn, chị H xin được nuôi dưỡng cháu T và yêu cầu anh Q phải trợ cấp nuôi con chung 1.500.000đ/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, công sức, công nợ chung : Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đặng Hồng Q : Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, đã gửi Thông báo thụ lý vụ án và rất nhiều lần triệu tập anh Q đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng anh Q không đến.

Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ, Tòa án đã lấy lời khai của anh Đặng Hồng Q thông qua số điện thoại gia đình cung cấp, trước sự chứng kiến xác nhận của chính quyền địa phương và bà Trịnh Thị T1 (mẹ đẻ anh Q): Anh Q xác nhận anh và chị H kết hôn năm 2106, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cam Thượng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Q chơi bời. Vợ chồng đã ly thân 02 năm nay. Nay anh Q xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, có nguyện vọng đoàn tụ. Trường hợp chị H xin ly hôn thì anh đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của chị H, anh đồng ý ly hôn. Về con chung như chị H trình bày. Trường hợp chị H kiên quyết ly hôn thì anh Q đồng ý để chị H nuôi con đến trưởng thành và đồng ý trợ cấp nuôi con chung 1.500.000đ/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Trịnh Thị T1 (mẹ đẻ anh Q) trình bày: Anh Q trình bày về thời gian kết hôn, thời gian chung sống hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là đúng. Vợ chồng chị H, anh Q đã ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay chị H xin ly hôn anh Q, quan điểm của bà T1 là mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Trường hợp chị H

kiên quyết ly hôn thì bà đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung: có 01 con chung như chị H, anh Q trình bày. Bà không có ý kiến gì về phần con chung.

Tòa án nhân dân huyện Ba Vì đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được vì anh Q vắng mặt không lý do, Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh Q.

Tại phiên tòa:

- Chị H có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt.
- Anh Q vắng mặt tại phiên tòa.

*** Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:**

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Đề nghị căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Xử: Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh Q; Về con chung: có 01 con chung là cháu Đặng Bảo T. Giao cho chị H được nuôi dưỡng cháu T đến khi tròn đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác; vấn đề cấp dưỡng: anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H 1.500.000đ/tháng kể từ tháng 07/2022 cho đến khi cháu T tròn đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ: Không xem xét. Về án phí: Chị H, anh Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện và các tài liệu gửi kèm vụ án hôn nhân gia đình về việc chị Phùng Thị H có đơn xin ly hôn anh Đặng Hồng Q, thuộc tranh chấp hôn nhân gia đình, anh Q là bị đơn có nơi cư trú tại xã Cam Thượng, huyện Ba Vì, Hà Nội. Theo quy định tại Điều 28, Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ

thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự nhưng anh Q vắng mặt nên tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh Q và đã thông báo kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh Q theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

Anh Q đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến phiên tòa lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Chị H có đơn xin đề nghị xét xử vắng mặt. Để đảm bảo thời hạn xét xử và quyền lợi chính đáng của đương sự, HĐXX mở phiên tòa xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Chị H và anh Q kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 24/02/2016 tại UBND xã VL là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Q chơi bời, vợ chồng bất đồng quan điểm trong quá trình chung sống, mâu thuẫn kéo dài. Chị H đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ năm 2018, vợ chồng sống ly thân cắt đứt mọi quan hệ tình cảm từ đó cho đến nay. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn xin được ly hôn với anh Q. Quá trình giải quyết, anh Q có nguyện vọng đoàn tụ nhưng cố tình không đến Tòa án làm việc, gây khó khăn cho việc giải quyết, không có thiện chí trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, HĐXX xét thấy có căn cứ chấp nhận việc cho chị H được ly hôn anh Q theo Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Xác định chị H và anh Q có 01 con chung là Đặng Bảo T, sinh ngày 12/12/2016. Hiện cháu T đang ở với chị H. Xét thấy, thời gian ly thân, cháu T ở cùng với chị H, bản thân chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con, cả khi con đau ốm không quản ngại vẫn một mình chu toàn cho con. Chị H tha thiết nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu. Quá trình giải quyết vụ án, anh Q không đến Tòa làm việc, không chấp hành pháp luật, nhưng qua lời khai anh Q có nguyện vọng đồng ý để chị H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu T, và nhất trí mức trợ cấp nuôi dưỡng con chung cho chị H đưa ra là 1.500.000đ/tháng. HĐXX xét thấy việc giao cháu T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và buộc anh Q phải trợ cấp nuôi con chung 1.500.000đ/tháng kể từ tháng 07/2022 là có căn cứ và phù hợp.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ chung: Chị H, anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 147, Điều 273, Điều 227, Điều 228, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phùng Thị H đối với anh Đặng Hồng Q. Cho chị Phùng Thị H được ly hôn anh Đặng Hồng Q.

2. Về con chung: có 01 con chung là Đặng Bảo T, sinh ngày 12/12/2016.

Vấn đề nuôi dưỡng con chung: Giao cháu Đặng Bảo T cho chị H được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T tròn đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Về cấp dưỡng: Anh Q có trách nhiệm trợ cấp nuôi dưỡng con chung 1.500.000đ/tháng cho chị H . Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 07/2022 cho đến khi cháu T tròn, đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Anh Q được quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng , công sức, công nợ chung : Không xem xét.

4. Án phí: Chị H phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn đồng*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 0059786 ngày 28/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Anh Q phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn đồng*) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Quyền kháng cáo: Chị H, anh Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã V L
- THA dân sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Phương Lan